

Bản án số: 219/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 05 – 5 – 2022

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

*- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Trịnh Minh Đức.

*Các Thẩm phán:*

Bà Đoàn Thị Trang;

Bà Ngô Thị Kim Khánh.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

*- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa:* Ông Lê Huỳnh Thiện – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2022/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 574/2021/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 783/2022/QĐ-PT ngày 09 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3604/QĐ-HPT ngày 07/4/2022, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Bà Trần Ngọc H, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Số 58/1 TC, phường Y, quận BT, Thành phố H.

*- Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số 782 TS, Phường Z, Quận X, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Huỳnh Minh V – Luật sư Văn phòng Luật sư Huỳnh Minh V.

Địa chỉ: Số 23 (lầu 02) đường LCT, phường A, Quận X, Thành phố H.

*- Do có kháng cáo của:* Ông Nguyễn Thành N.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 08/4/2021 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Trần Ngọc H trình bày:*

Bà H và ông Nguyễn Thành N (từ đây viết tắt là ông N) tự nguyện chung sống, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn vào tháng 12 năm 2018. Thời gian vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do trình độ, lối sống, nhận thức khác nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Sau khi sinh con được ba tháng thì mâu thuẫn giữa hai bên càng trầm trọng, gia đình chồng đã đề nghị bà H về nhà ngoại ở. Sau khi về nhà ngoại, ông N yêu cầu chấm dứt quan hệ vợ chồng và cũng không cho bà H thăm nom, gặp gỡ con. Nay bà H nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với ông N.

Về con chung: Có 01 con chung là trẻ Nguyễn Phúc H sinh ngày 04/3/2020. Trẻ H còn nhỏ nên bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 18/5/2021 và trong quá trình giải quyết, bị đơn ông Nguyễn Thành N trình bày:*

Ông N xác nhận lời trình bày của bà H về việc vợ chồng chung sống không đăng ký kết hôn, thời gian chung sống, con chung là đúng. Cuộc sống chung vợ chồng thời gian đầu có những mâu thuẫn nhỏ. Sau khi sinh con thì tính tình của bà H rất khó chịu, có những thái độ cư xử không hay đối với gia đình, không chăm lo cho con. Đến ngày 09/6/2020, bà H tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột, ông N và gia đình của ông phải hỗ trợ chăm con. Nay ông nhận thấy tình cảm đối với bà H không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng mục đích hôn nhân không đạt được nên ông N đồng ý ly hôn, yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà H.

Về con chung: Có 01 con chung là trẻ Nguyễn Phúc H sinh ngày 04/3/2020. Ông N đồng ý giao con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 574/2021/HNGĐ-ST ngày 15/12/2021 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố H đã quyết định:*

1. Không công nhận bà Trần Ngọc H và ông Nguyễn Thành N là vợ chồng.
2. Về con chung: Giao cho bà Trần Ngọc H trực tiếp giữ nuôi trẻ Nguyễn Phúc H sinh ngày 04/3/2020. Việc cấp dưỡng hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.  
Ông Nguyễn Thành N được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Không ai được cản trở cha mẹ thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Trong quá trình nuôi dưỡng, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- 3 Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/12/2021, ông Nguyễn Thành N kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 674/2021/HNGĐ-ST ngày 15/12/2021 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố H, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thành N, giao trẻ Nguyễn Phúc H cho ông Nguyễn Thành N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Ngày 18/4/2022, ông Nguyễn Thành N có đơn yêu cầu cấp phúc thẩm điều tra, xác minh để có cơ sở giải quyết kháng cáo, ông N yêu cầu điều tra, xác minh những vấn đề sau:

- Xác minh tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận X, Thành phố H về căn hộ 175 (tầng 1) đường VTS, Phường A, Quận X, Thành phố H, hiện nay có phải là tài sản của bà Trần Ngọc H không.

- Xác minh tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận BT, Thành phố H về căn nhà đất số 58/1 đường TC, Phường B, quận BT, Thành phố H, hiện nay do ai quản lý, sử dụng; có tranh chấp không.

- Yêu cầu Bệnh viện C – Thành phố H cung cấp hồ sơ bệnh án của bà Trần Ngọc H điều trị bệnh động kinh năm 2021.

Ngày 28/4/2022, ông Nguyễn Thành N có đơn yêu cầu cấp phúc thẩm trung cầu giám định sức khỏe tâm thần đối với bà Trần Ngọc H.

Ngày 19/4/2022, Luật sư Huỳnh Minh V – người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Thành N có văn bản kiến nghị cấp phúc thẩm xác minh, thu thập chứng cứ những vấn đề sau:

- Xác minh về điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con của người cha Nguyễn Thành N tại Hội Liên hiệp Phụ nữ - Ủy ban nhân dân Phường D, Quận X, Thành phố H.

- Xác minh về điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con của người mẹ Trần Ngọc H tại Hội Liên hiệp Phụ nữ - Ủy ban nhân dân Phường B, quận BT, Thành phố H.

- Xác minh tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận X, Thành phố H về căn hộ 175 (tầng 1) đường VTS, Phường D, Quận X, Thành phố H, hiện nay có phải là tài sản của bà Trần Ngọc H không (vì ông N biết căn hộ này bà H đã bán từ lâu).

- Xác minh tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận BT, Thành phố H về căn nhà đất số 58/1 đường TC, Phường B, quận BT, Thành phố H, hiện nay do ai quản lý, sử dụng; có tranh chấp không. (vì theo trình bày của ông N thì căn nhà này đang có tranh chấp).

- Xác minh tại Bệnh viện C – Thành phố H về sức khỏe của bà Trần Ngọc H vì bà Trần Ngọc H có nhập viện điều trị bệnh động kinh năm 2021.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Ông Nguyễn Thành N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bà Trần Ngọc H yêu cầu giữ nguyên Bản án sơ thẩm và xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Về tố tụng: Cấp sơ thẩm thụ lý đơn xin ly hôn của bà H là vi phạm tố tụng vì bà H và ông N không đăng ký kết hôn, quá trình giải quyết cấp sơ thẩm không xác minh tại nơi thường trú của bà H về việc có hay không việc đăng ký kết hôn.

Về nội dung:

Trẻ Nguyễn Phúc H hiện nay đang được ông N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông N có nơi cư trú và việc làm ổn định, có đủ điều kiện trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con, ông N vẫn tạo điều kiện cho bà H thăm nom con. Về phía bà H không đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con như bà H không có việc làm, không có nơi ở, sức khỏe không tốt, các chứng cứ bà H cung cấp cho Tòa án về nhà ở, các hợp đồng cho thuê nhà có dấu hiệu giả mạo. Nhằm tránh xáo trộn tâm sinh lý và sự phát triển bình thường của trẻ Nguyễn Phúc H, điều kiện trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con của ông N, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông N, giao trẻ Nguyễn Phúc H cho ông N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông N không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo:

Ông Nguyễn Thành N kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Phúc H nhưng ông N chỉ trình bày, không có chứng cứ chứng minh, trong khi đó qua khai nhận của các bên, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện bà H đã chứng minh có nơi cư trú ổn định, có thu nhập đảm bảo nuôi dạy con, trẻ H còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi rất cần sự chăm sóc của người mẹ nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông N. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thành N, giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 574/2021/HNGĐ-ST ngày 15/12/2021 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:*

#### **I. Thủ tục tố tụng:**

Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thành N làm trong hạn luật định và đã thực hiện nghĩa vụ của người kháng cáo phù hợp với các quy định tại Điều 271, 272, 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại đơn khởi kiện ly hôn ngày 08/4/2021, bà Trần Ngọc H yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Thành N có nơi cư trú tại số 782 TS, Phường Z, Quận X, Thành phố H. Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố H thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, đúng thủ tục tố tụng theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

II. Xét đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ ngày 18/4/2022 của ông Nguyễn Thành N, đơn yêu cầu trưng cầu giám định sức khỏe ngày 28/4/2022 của ông Nguyễn Thành N, văn bản kiến nghị ngày 19/4/2022 của Luật sư Huỳnh Minh V – người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Thành N. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông N và Luật sư không cung cấp chứng cứ chứng minh về việc các cơ quan chức năng không cung cấp chứng cứ theo yêu cầu của mình. Căn cứ Điều 91, Điều 106 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét thấy không có cơ sở nên không chấp nhận.

### III. Nội dung:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông N chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên quan hệ giữa bà H và ông N không được xác lập là quan hệ vợ chồng và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã Quyết định không công nhận bà H và ông N là vợ chồng là đúng quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên phần này của Bản án sơ thẩm phát sinh hiệu lực pháp luật.

2. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên phần này của Bản án sơ thẩm phát sinh hiệu lực pháp luật.

3. Xem xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thành N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Phúc H, không yêu cầu bà Trần Ngọc H cấp dưỡng nuôi con, xét thấy:

Về con chung: Ông N và bà H xác nhận có một con chung là trẻ Nguyễn Phúc H sinh ngày 04/3/2020, hiện trẻ Nguyễn Phúc H đang sống cùng với ông N.

Ông N và bà H đều có nguyện vọng yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Phúc H. Xét về điều kiện nuôi con của mỗi bên:

Ông N và bà H đều có việc làm, thu nhập và chỗ ở ổn định. Ông, bà đều yêu thương, quan tâm và có điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tốt.

Ông N kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông N cho rằng bà H không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con như không đủ sức khỏe, không có việc làm, không có điều kiện về kinh tế, không có chỗ ở ổn định; Tuy nhiên, ông N chỉ trình bày, không có chứng cứ chứng minh. Song song đó, trẻ Nguyễn Phúc H

hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi, rất cần sự chăm sóc của người mẹ; Tại cấp sơ thẩm ông N cũng đã biết điều này, đã đồng ý giao trẻ Nguyễn Phúc H cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; Vì lợi ích của trẻ Nguyễn Phúc H, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao con chung Nguyễn Phúc H cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 81, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông N phải chịu theo quy định của pháp luật.

6. Xét trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Như nhận định nêu trên, xét thấy không có cơ sở nên không chấp nhận.

Xét ý kiến phát biểu đề nghị về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tại phiên tòa, như nhận định nêu trên, xét thấy có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng Khoản 1 Điều 148, Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276, Điều 293, Khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thành N về yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Phúc H.

II. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 574/2021/HNGĐ-ST ngày 15/12/2021 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố H, cụ thể như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc H đối với ông Nguyễn Thành N:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Trần Ngọc H và ông Nguyễn Thành N là vợ chồng.

- Về con chung: Giao con chung trẻ Nguyễn Phúc H, sinh ngày 04/3/2020 cho bà Trần Ngọc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Thành N được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Không ai được cản trở cha mẹ thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Trong quá trình nuôi dưỡng, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Ngọc H phải chịu là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0033070 ngày 20/4/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận X, Thành phố H.

- Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Ông Nguyễn Thành N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí do ông Nguyễn Thành N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006786 ngày 22/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố H.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- TAND QX, TP.H;
- Chi cục THADS QX, TP.H ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phan Trịnh Minh Đức**